

PHỤ LỤC SỐ 05
APPENDIX 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

Công ty CP Tập đoàn
Vinacontrol

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 019/HĐQT-TCV
No.019/HĐQT-TCV

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017
Hanoi, 23rd January 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(Năm 2016)
(Year 2016)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 54 Trần Nhân Tông, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: 04-3943-3840; Fax: 04-3943-3844; Email: vinacontrol@vinacontrol.com.vn
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 104.999.550.000 đồng
- Mã chứng khoán/ Securities code: VNC

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/
Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):



Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	58/ĐHĐCĐ-NQ	26/03/2016	• Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2015 • Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS • Thông qua Báo cáo tài chính và tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2015 • Phương hướng phát triển kinh doanh năm 2016 • Sửa đổi điều lệ • Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS • Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2016

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ *Board of Management (Annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>BOM's member</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ <i>Day becoming/no longer member of the Board of Management</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Percent age</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	09/04/2013	4	100%	
2	Ông Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT	08/04/2013	4	100%	
3	Ông Trần Đăng Thành	Ủy viên HĐQT	08/4/2013	4	100%	
4	Ông Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT	08/4/2013	4	100%	
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Ủy viên HĐQT	08/4/2013	4	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director)*:

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, Chủ tịch và 1 ủy viên hoạt động độc lập, Ba ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong Ban Tổng giám đốc (Ông Mai Tiến Dũng, ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Ông Trần Đăng Thành và Ông Phan Văn Hùng, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc) và ngoài ra có 1 ủy viên là đại diện của SCIC (cổ đông của Công ty) đã giúp cho việc thống nhất và chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành đạt hiệu quả cao.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 04 phiên họp thường kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của toàn Công ty, đưa ra ý kiến chỉ đạo trực tiếp, giám sát và định hướng đối với công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees*:

Tổ chuyên viên của HĐQT giúp việc cho HĐQT ở lĩnh vực thư ký, hành chính.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports)*:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	38/NQ-HĐQT	22/02/2016	Kết quả cuộc họp thường kỳ lần 1/2016 ngày 18/02/2016
2	61/QĐ-HĐQT	28/03/2016	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015
3	86/NQ-HĐQT	24/05/2016	Kết quả cuộc họp thường kỳ lần 2/2016 ngày 20/05/2016
4	114/NQ-HĐQT	24/08/2016	Kết quả cuộc họp thường kỳ lần 3/2016 ngày 23/08/2016
5	115/NQ-HĐQT	24/08/2016	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016
6	151/NQ-HĐQT	22/11/2016	Kết quả cuộc họp thường kỳ lần 4/2016 ngày 17/11/2016

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2016)/ *Supervisory Board (Annual report):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS Day becoming/no longer member of the Supervisory Board	Số buổi họp BKS tham dự Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp Percentage	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Ông Trương Đức Sinh	Trưởng BKS	09/04/2013	4	100%	
2	Ông Đinh Quang Hòa	TV BKS	08/4/2013	4	100%	
3	Ông Nguyễn Quốc Khánh	TV BKS	08/4/2013	4	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

- Tham dự 04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị; ghi nhận tình hình hoạt động của các đơn vị và tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động kinh doanh, quản trị và đầu tư phát triển Công ty; giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã ban hành.
- Theo dõi việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

- Hai trong số ba thành viên BKS đang giữ các chức vụ quản lý tại các đơn vị thành viên, tham gia vào hoạt động kinh doanh của đơn vị nên có điều kiện trao đổi thường xuyên, góp ý trực tiếp với lãnh đạo đơn vị về hoạt động kinh doanh, điều hành.
- Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2016 cho Công ty.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

- Thực hiện các thông tư, công văn mới: Công văn 2463/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/05/2016.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo năm 2016) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

(Xin xem file gửi kèm)

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organizati on/individu al</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securitie s trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the compan y (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Addres s</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliate d person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliate d person</i>	Lý do <i>Reasons</i>

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person. – N/A*

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relations hip</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Addres s</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transacti ons</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of resolutio ns / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)</i>	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch <i>Number, ownershi p proportio n of shares/fu nd certificate s hold after the transactio n</i>	Ghi chú <i>Note</i>

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power - N/A*

Stt N o.	Người thực hiện giao dịch <i>Transact ion executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relation ship with internal</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Positti on at listed compa ny</i>	Số CMND/H ộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Pass port No. ,</i>	Địa chỉ <i>Addr ess</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền	Thời điểm giao dịch <i>Time of transac tion</i>	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ <i>Number, ownershi</i>	Gh i ch ú <i>No te</i>
----------------	---	---	--	--	-----------------------------------	---	---	---	--

		<i>person</i>		<i>date of issue, place of issue</i>		<i>kiểm soát Name of subsidiaries, the company which listed company control</i>		<i>p proportion of shares/fund certificates held after the transaction</i>	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects: N/A*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting). N/A*

- Thoái toàn bộ 30% vốn Vinacontrol tại Công ty CP xây dựng và kiểm định Vinacontrol

Ông Trần Đăng Thành, ủy viên HĐQT Vinacontrol giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty kiểm định xây dựng IDICO - VINACONTROL đến tháng 5/2014.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO). N/A*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO). N/A*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2016)/ Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and their affiliated persons: (Xin xem file gửi kèm.)

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/H ộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	(Tên người nội bộ/ Name of internal person)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ Name affiliate d person							
	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/
Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD

(Ký tên và đóng dấu)
(Sign and seal)



TS. Bùi Duy Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL



DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons
1	Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT			
2	Đoàn Bích Hồng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
3	Bùi Phương Thảo				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
4	Bùi Duy Anh				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
5	Bùi Công Trùng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
6	Bùi Hồng Thịnh				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
7	Bùi Hồng Việt				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
8	Bùi Duy Hùng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
9	Bùi Hải Yến				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
10	Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc			
11	Lê Thị Hương Giang				NCLQ của Tổng giám đốc
12	Mai Trúc Quỳnh				NCLQ của Tổng giám đốc
13	Mai Sĩ Tuấn				NCLQ của Tổng giám đốc
14	Mai Trọng Đức				NCLQ của Tổng giám đốc
15	Trần Đăng Thành	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Vinacontrol Hồ Chí Minh			
16	Phạm Thị Mai				NCLQ của Ủy viên HĐQT



17	Trần Đăng Tuấn				NCLQ của Ủy viên HDQT
18	Trần Đăng Nam				NCLQ của Ủy viên HDQT
19	Đặng Thị Thu Hà	Ủy viên HDQT			
20	Đinh Thị Vân				NCLQ của Ủy viên HDQT
21	Đỗ Việt Dũng				NCLQ của Ủy viên HDQT
22	Đỗ Việt Thắng				NCLQ của Ủy viên HDQT
23	Đỗ Khánh Giang				NCLQ của Ủy viên HDQT
24	Đặng Hồng Sơn				NCLQ của Ủy viên HDQT
25	Đặng Thị Thu Thủy				NCLQ của Ủy viên HDQT
26	Phan Văn Hùng	Ủy viên HDQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT			
27	Phan Văn Thiêm				NCLQ của Ủy viên HDQT
28	Trần Thị Xuân				NCLQ của Ủy viên HDQT
29	Trương Thị Mai Hoa				NCLQ của Ủy viên HDQT
30	Phan Tùng Sơn				NCLQ của Ủy viên HDQT
31	Phan Văn Hải				NCLQ của Ủy viên HDQT
32	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng			
33	Vũ Minh Nguyệt				NCLQ của Kế toán trưởng
34	Lưu Ngọc Hiệp				NCLQ của Kế toán trưởng
35	Lưu Minh Châu				NCLQ của Kế toán trưởng
36	Lưu Thị Thìn				NCLQ của Kế toán trưởng
37	Lưu Thị Tuất				NCLQ của Kế toán trưởng
38	Lưu Thị Hoà				NCLQ của Kế toán trưởng
39	Trương Đức Sinh	Trưởng BKS			
40	Nguyễn Thị Hai				NCLQ của Trưởng BKS
41	Huỳnh Thị Thu Tư				NCLQ của Trưởng BKS
42	Trương Đức Minh Anh				NCLQ của Trưởng BKS
43	Trương Đức Anh Thư				NCLQ của Trưởng BKS
44	Trương Thị Hoàng				NCLQ của Trưởng BKS

45	Trương Ánh Loan				NCLQ của Trưởng BKS
46	Trương Minh Phụng				NCLQ của Trưởng BKS
47	Trương Ánh Phương				NCLQ của Trưởng BKS
48	Trương Ánh Nhi				NCLQ của Trưởng BKS
49	Trương Đức Thắng				NCLQ của Trưởng BKS
50	Đinh Quang Hòa	TV BKS			
51	Đinh Quang Trung				NCLQ của TV BKS
52	Dương Bích Trang				NCLQ của TV BKS
53	Đinh Trung Anh				NCLQ của TV BKS
54	Đào Thị Ngọc Linh				NCLQ của TV BKS
55	Nguyễn Quốc Khánh	TV BKS			
56	Nguyễn Thu Hiền				NCLQ của TV BKS
57	Nguyễn Thu Hằng				NCLQ của TV BKS
58	Nguyễn Thu Anh				NCLQ của TV BKS
59	Nguyễn Hữu Minh				NCLQ của TV BKS
60	Nguyễn Hữu Nam				NCLQ của TV BKS
61	Nguyễn Chiến Thắng				NCLQ của TV BKS





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	423,520	4.034%	
	Đoàn Bích Hồng		0		
	Bùi Phương Thảo		0		
	Bùi Duy Anh		0		
	Bùi Công Trùng		0		
	Bùi Hồng Thịnh		0		
	Bùi Hồng Việt		0		
	Bùi Duy Hùng		0		
	Bùi Hải Yến		0		
2	Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	22,933	0.218%	
	Lê Thị Hương Giang		0		
	Mai Trúc Quỳnh		0		



	Mai Sĩ Tuấn		0		
	Mai Trọng Đức		0		
3	Trần Đăng Thành	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Vinacontrol Hồ Chí Minh	17,020	0.162%	
	Phạm Thị Mai		0		
	Trần Đăng Tuấn		0		
	Trần Đăng Nam		20		
4	Đặng Thị Thu Hà	Ủy viên HĐQT	0		
	Đinh Thị Vân		0		
	Đỗ Việt Dũng		0		
	Đỗ Việt Thắng		0		
	Đỗ Khánh Giang		0		
	Đặng Hồng Sơn		0		
	Đặng Thị Thu Thùy		0		
5	Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT	10,960	0.104%	
	Phan Văn Thiêm		0		
	Trần Thị Xuân		0		
	Trương Thị Mai Hoa		0		
	Phan Tùng Sơn		0		
	Phan Văn Hải		0		
6	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng	52,520	0.500%	

	Vũ Minh Nguyệt		0		
	Lưu Ngọc Hiệp		0		
	Lưu Minh Châu		0		
	Lưu Thị Thìn		0		
	Lưu Thị Tuất		0		
	Lưu Thị Hoà		0		
7	Trương Đức Sinh	Trưởng BKS	10,166	0.097%	
	Nguyễn Thị Hai		0		
	Huỳnh Thị Thu Tư		0		
	Trương Đức Minh Anh		0		
	Trương Đức Anh Thư		0		
	Trương Thị Hoàng		0		
	Trương Ánh Loan		0		
	Trương Minh Phụng		0		
	Trương Ánh Phượng		0		
	Trương Ánh Nhi		0		
	Trương Đức Thắng		0		
8	Đinh Quang Hòa	TV BKS	0		
	Đinh Quang Trung		0		
	Dương Bích Trang		0		



	Đinh Trung Anh		0		
	Đào Thị Ngọc Linh		0		
9	Nguyễn Quốc Khánh	TV BKS	666	0.006%	
	Nguyễn Thu Hiền		0		
	Nguyễn Thu Hằng		0		
	Nguyễn Thu Anh		0		
	Nguyễn Hữu Minh		0		
	Nguyễn Hữu Nam		0		
	Nguyễn Chiến Thắng		0		